

VÀI NÉT VỀ ĐẶC TRƯNG CÁC DI TÍCH TIỀN ĐÔNG SƠN Ở LƯU VỰC SÔNG HỒNG

NGUYỄN SỸ TOÀN

Tiền Đông Sơn là thời kỳ trước văn hóa Đông Sơn và phát triển trực tiếp lên văn hóa Đông Sơn. Thời kỳ này gồm 3 giai đoạn văn hóa: Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun, có niên đại trong khoảng 4000 – 2800 năm cách ngày nay. Tên gọi các giai đoạn văn hóa này lấy theo tên gọi của các di tích tương ứng, được phát hiện lần đầu tiên trong mỗi giai đoạn văn hóa ấy. Di chỉ Phùng Nguyên được phát hiện năm 1959 ở xã Kinh Kệ, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ. Năm 1962 phát hiện di chỉ Đồng Đậu xã Minh Tân, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Và di chỉ Gò Mun thuộc xã Tứ Xã, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ được phát hiện năm 1961. Giai đoạn văn hóa Gò Mun nằm ở bước phát triển cao nhất của hệ thống các di tích tiền Đông Sơn lưu vực sông Hồng, một khúc chuyển quan trọng sang văn hóa Đông Sơn sau này. 50 năm qua, kể từ khi phát hiện di chỉ Phùng Nguyên, đến nay các nhà khảo cổ đã phát hiện và khai quật hàng trăm di tích thuộc các giai đoạn văn hóa tiền Đông Sơn. Để nghiên cứu toàn diện một di tích cần phải nghiên cứu cả hệ thống các di vật thuộc di tích đó. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ đề cập những đặc trưng của các di tích tiền Đông Sơn, mà hệ thống di vật sẽ được trình bày trong một công trình nghiên cứu khác. Dưới đây là một vài phác thảo về đặc trưng của các di tích tiền Đông Sơn:

01. Đặc trưng khu cư trú: Các di tích văn hóa tiền Đông Sơn phân bố trên một không gian rộng lớn, cơ bản bao gồm các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tây (cũ), Hà Nội và Bắc Ninh, tập trung dọc theo tả và hữu ngạn sông Hồng, sông Lô, sông Đà, sông Đuống... Đây là vùng đất chuyển tiếp từ trung du xuống đồng bằng châu thổ sông Hồng. Các di tích tiền Đông Sơn thường nằm ở vị trí cao hơn xung quanh, nhằm tránh tác động của thiên tai như mưa lũ, ngập lụt, muỗi, thú dữ, đồng thời lại tạo được không khí trong lành và thoáng mát. Mặc dù vị trí các di tích thường tọa lạc trên đồi, gò cao, nhưng gần nguồn nước như: sông, suối, hồ, đầm... và cũng gần rừng, gần bó với rừng. Việc lựa chọn nơi cư trú như vậy rất thuận lợi cho điều kiện sống và sinh hoạt hàng ngày, cũng như việc khai thác các tiềm năng kinh tế của cư dân Tiền Đông Sơn. Ở gần nguồn nước sẽ thuận tiện cho việc khai thác thủy sản tôm, cá, cua, ốc... và ở gần rừng sẽ thuận lợi cho nghề đi săn bắt (bắn) các loài động vật cũng như việc nuôi trồng khai thác nguồn nguyên liệu quý có thể lấy gỗ làm nhà, lấy cây rừng về làm thuốc... Qua vài nét phác thảo trên đây về địa bàn cư trú của cư dân các văn hóa Tiền Đông Sơn, cho thấy ngay từ buổi sơ khai con người đã có khả năng thích ứng, tận dụng và hòa hợp với môi trường tự nhiên như một bản năng và quy luật tất yếu vì sự sinh tồn của mình.

02. Cấu tạo địa tầng văn hóa: Tầng văn hóa có thể ví như những trang sách ghi lại dấu ấn về đời sống sinh hoạt của con người thời đã qua. Trang sách của nhà khảo cổ chỉ được mở duy nhất một lần. Vì vậy, mỗi khi mở những trang sách này, các nhà khảo cổ đều rất cẩn trọng. Việc nghiên cứu kỹ các lớp đất, nhất là tầng văn hóa, có một ý nghĩa rất quan trọng. Đối với tầng văn hóa thì màu sắc, độ dày, mỏng, kết cấu đơn giản hay phức tạp, di vật nhiều hay ít đều là những tiêu chí chủ yếu, để nhà khảo cổ xác định rõ tính chất đặc điểm của một di tích khảo cổ học (4). Tầng văn hóa phản ánh rõ nhất, đầy đủ nhất và khách quan nhất về tất cả các mặt đời sống trong quá khứ của cư dân Tiền Đông Sơn. Di tích cư trú phát hiện được trong các văn hóa Tiền Đông Sơn đều là các di tích cư trú ngoài trời. Địa tầng trong các giai đoạn văn hóa hết sức đa dạng về độ dày, mỏng và sự kế tiếp các giai đoạn văn hóa trong cùng một di tích. Có di tích tầng văn hóa gồm cả ba giai đoạn phát triển, thể hiện sự kế tiếp giữa các giai đoạn văn hóa từ Phùng Nguyên đến Gò Mun, như ở Đồng Đậu, Đình Chàng. Đây là một trong những đặc thù của các văn hóa thuộc thời đại đồng thau Việt Nam ở lưu vực sông Hồng. Bởi đó là những văn hóa phát triển kế tiếp nhau mang tính chất nội tại của một cộng đồng ổn định. Sự khác nhau về mặt văn hóa cơ bản chỉ là sự khác nhau về trình độ. Thời gian tồn tại cho thấy dân cư đã cư trú ổn định và liên tục trong một thời gian lâu dài (6). Do đó, chúng ta có thể suy luận rằng chủ nhân của thời đại đồng thau không thể không có ngôi nhà để che nắng, che mưa, cho dù ngôi nhà đó to, nhỏ và hình thù ra sao với chất liệu gì. Điều này đang dần được hé mở bởi công sức tìm tòi, phát hiện và nghiên cứu của hàng trăm nhà khoa học trong nửa thế kỷ qua. Di tích tầng văn hóa gồm cả ba giai đoạn phát triển, thể hiện sự kế tiếp giữa các giai đoạn văn hóa từ Phùng Nguyên đến Gò Mun, như ở Đồng Đậu, Đình Chàng. Đây là một trong những đặc thù của các văn hóa thuộc thời đại đồng thau Việt Nam ở lưu vực sông Hồng. Bởi đó là những văn hóa phát triển kế tiếp nhau mang tính chất nội tại của một cộng đồng ổn định. Sự khác nhau về mặt văn hóa cơ bản chỉ là sự khác nhau về trình độ. Thời gian tồn tại cho thấy dân cư đã cư trú ổn định và liên tục trong một thời gian lâu dài (6). Do đó, chúng ta có thể suy luận rằng chủ nhân của thời đại đồng thau không thể không có ngôi nhà để che nắng, che mưa, cho dù ngôi nhà đó to, nhỏ và hình thù ra sao với chất liệu gì. Điều này đang dần được hé mở bởi công sức tìm tòi, phát hiện và nghiên cứu của hàng trăm nhà khoa học trong nửa thế kỷ qua.

03. Các di chỉ xương: Di chỉ - xương là một đặc trưng và thành tố quan trọng không thể thiếu trong đời sống xã hội của cư dân văn hóa Tiền Đông Sơn. Phát triển sản xuất

không chỉ tạo công ăn việc làm cho người lao động, mà ngày càng tạo ra công cụ tốt hơn phục vụ lao động sản xuất làm ra của cải. Vì nếu chỉ đơn thuần biết nghề trồng lúa thì khi mất mùa sẽ gặp nhiều khó khăn “ ruộng bẽ bẽ không bằng nghề trong tay” Giai đoạn tiền sơ sử Việt Nam với ba trung tâm sản xuất nghề thủ công: Trung tâm đồng bằng Bắc bộ và bắc Trung bộ; Trung tâm đồng bằng Trung bộ; Trung tâm đồng bằng miền Đông Nam bộ. Văn hóa Phùng Nguyên là điển hình của vùng trung tâm đồng bằng Bắc bộ. Với hàng chục di tích được xác định chắc chắn là di chỉ xưởng chế tạo đồ đá. Từ các tư liệu khảo cổ học cho thấy một số công xưởng đã chuyên môn hóa trong sản xuất sản phẩm. Chẳng hạn: di chỉ - xưởng Gò Chè chế tác công cụ đá là chính; di chỉ - xưởng Bãi Tự chế tác mũi khoan hay di chỉ - xưởng Trảng Kênh lại chủ yếu chế tác vòng trang sức. Như vậy đã có sự phân công lao động giữa các vùng và các thành phần lao động - người thợ có tay nghề cao. Tính chất công xưởng của các di tích này được thể hiện rõ qua hàng loạt di vật đá được phát hiện. Đó là các phác vật rìu tứ giác, rìu hoàn thiện, phác vật vòng tay với mặt cắt chữ D, tam giác, chữ nhật. Đáng chú ý là, các loại công cụ sản xuất, phác vật cũng như sản phẩm hoàn hảo và đồ trang sức của các di chỉ Phùng Nguyên. Có thể nói, đây là khu vực công xưởng chế tác đá tiền - sơ sử lớn nhất, chưa từng gặp bất cứ nơi nào ở Việt Nam (4). Việc phát hiện di chỉ xưởng qua các giai đoạn văn hóa cho thấy sự tiến bộ về tư duy cũng như tay nghề của người thợ thủ công. Căn cứ vào dấu tích lò nung và sản phẩm của các nghề thủ công, có xưởng chuyên chế tạo dụng cụ lao động, hoặc có xưởng chuyên làm đồ trang sức, chứng tỏ xã hội đã có xu hướng phân công lao động giữa người làm nghề nông trồng lúa và người làm nghề thủ công. Đồng thời qua di chỉ xưởng và sản phẩm của nghề thủ công chúng ta thấy rõ một bước phát triển trong tư duy của cư dân từ văn hóa Phùng Nguyên đến văn hóa Gò Mun. Nếu như ở văn hóa Phùng Nguyên nghề thủ công cơ bản là chế tác đá, sang văn hóa Đồng Đậu vẫn tiếp tục nghề chế tác đá, nhưng đã thấy xu hướng phát triển nghề luyện kim, đến giai đoạn Gò Mun thì đã chứng tỏ một bước tiến dài trong tư duy nhận thức của cư dân ở các văn hóa này. Tư duy nhận thức đó được hiện thực hóa bởi các công cụ bằng đồng được chế tác đạt trình độ cao về kỹ thuật và mỹ thuật. Nghề luyện kim ra đời ngoài nhu cầu về phát triển kinh tế cũng thể hiện rõ sự khám phá và muốn chinh phục tự nhiên của cư dân từ Phùng Nguyên đến Gò Mun. Nghề thủ công từ chế tác đá giai đoạn Phùng Nguyên, chuyển dần sang luyện kim ở các giai đoạn sau, thể hiện bước nhảy vọt về nhận thức và trình độ kỹ thuật của cư dân Tiền Đông Sơn, các yếu tố này là cơ sở cho việc hình thành một nhà nước sơ khai đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam - Nhà nước Văn Lang thời các vua Hùng. Nghiên cứu các di chỉ - xưởng, sẽ có giá trị và ý nghĩa rất lớn không chỉ về mặt lịch sử, mà còn có giá trị về văn hóa, khoa học. Ngay từ buổi sơ khai dựng nước bằng những kỹ thuật thủ công người Phùng Nguyên đã chế tác được những hiện vật đá trang sức là những khuyên tai, hạt chuỗi, vòng tay hết sức tinh tế. Đây chính là kho tàng tri thức của người Phùng Nguyên mà cần một sự liên ngành Khảo cổ học - Văn hóa - Du lịch để không chỉ phát hiện khai quật, mà còn phải giữ gìn và khai thác giá trị các di tích này trong đời sống hiện tại.

04. Các di tích trong tầng văn hóa

+ **Vết tích nền nhà:** Trong văn hóa Phùng Nguyên các nhà khảo cổ mới phát hiện được rất ít ỏi những dấu tích nền nhà. Những phát hiện này thường là một số mảng *nền đất vàng* hoặc *cháy đỏ* trong các di tích Phùng Nguyên, thì đến giai đoạn văn hóa Đồng Đậu trong đợt khai quật lần thứ tư di chỉ này, *nền nhà* đã xuất hiện, hình dạng khá vuông vắn, với chiều dài, chiều rộng và các hố cột có kích thước và khoảng cách hợp lý, khiến chúng ta không thể nghĩ khác hơn đó là *di tích nền nhà*. Đến văn hóa Gò Mun vẫn tiếp tục phát hiện các *nền nhà* giống như ở văn hóa Đồng Đậu, nhưng thường bên cạnh hay trên mặt nền còn phát hiện được những bếp nguyên thủy được đắp bằng đất sét rất cẩn thận. Như vậy, từ Phùng Nguyên đến Gò Mun, qua mỗi giai đoạn phát hiện vết tích nền nhà ngày càng rõ nét hơn, với sự xuất hiện của bếp lửa trên *nền nhà* càng khẳng định chắc chắn thêm loại hình di tích này.

+ **Bếp lửa, lò nung:** Trong văn hóa Phùng Nguyên hầu hết trong các cuộc khai quật dấu tích bếp lửa rất mờ nhạt. Chỉ tới khi phát hiện bếp lửa trong đợt khai lần thứ tư ở di chỉ Đồng Đậu, chúng ta mới biết tới hình dạng của các bếp lửa Phùng Nguyên một cách khá chắc chắn. Đến văn hóa Gò Mun thì với hình dạng và đặc thù của bếp, có ý kiến cho rằng bếp Gò Mun có thể có 2 loại hình, một loại khoét xuống lòng đất và một loại đắp thành hình trên mặt đất gần như bếp hiện nay. Lò nung đồng được phát hiện ở giai đoạn Đồng Đậu cũng cho thấy sự tiến bộ hơn của văn hóa Đồng Đậu so với văn hóa Phùng Nguyên trong kỹ thuật phát triển nghề luyện kim. Đến giai đoạn Gò Mun thì nghề luyện kim ngày càng phát triển hơn, người Gò Mun đã chế tạo nhiều hiện vật đồng rất nghệ thuật và tinh tế. Các bếp có hình dạng, quy mô kích thước không giống nhau. Đa số các bếp đều chứa di vật khảo cổ và xương thú vật. Phần nhiều bếp lửa nằm trong các hố đất đen ở những độ sâu khác nhau, có bếp nằm rất sâu so với mặt sinh thổ. Qua đây cho thấy mật độ bếp Phùng Nguyên ở di tích Đồng Đậu khá dày và đa dạng.

+ **Hố đất đen:** Trong nền đất vàng (nền nhà nhân tạo) hoặc nền đất tự nhiên nơi cư trú của các văn hóa Tiền Đông Sơn, chúng ta đều bắt gặp các hố đất đen. Đa phần các hố đất đen đều ăn sâu xuống sinh thổ. Nguyên nhân xuất hiện ra các hố này do thiên tạo và do nhân tạo. Trong các di tích văn hóa Phùng Nguyên, các hố đất đen xuất hiện nhiều. Vị trí, kích thước, hình dạng... không tuân thủ một nguyên tắc nào khiến bước đầu có thể còn lúng túng khi tìm lời giải đáp về chức năng của chúng. Song, khi các hố đất đen này xuất hiện ở các giai đoạn sau như có dấu ấn của sự sắp đặt nhiều hơn, thì chức năng của chúng bắt đầu được lý giải từ nhiều góc nhìn khác nhau. Loại trừ các hố đất đen không mang dấu ấn con người tạo ra, các hố còn lại nơi thì chứa đồ phế thải, nơi thì có than tro bếp... khiến cho cách lý giải về chức năng của các *hố đất đen* cũng rất phong phú, có ý kiến cho rằng đó là vết tích của bếp, hố chứa rác thải, lỗ cọc.. Bên cạnh đó cũng không ít ý kiến cho rằng trước khi trở thành hố rác, thì các hố đất đen này là do con người lấy đất để làm gốm. Nhìn chung các ý kiến trên đều có cơ sở và có tính hợp lý nhất định. Mặc dù vậy chúng ta vẫn cần phải nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nội dung và chức năng của loại hình di tích này.

+ **Dấu tích về động, thực vật:** Như chúng ta biết, người Phùng Nguyên sống chủ yếu bằng nghề nông. Nghề chăn nuôi, săn bắn (bắt), thu lượm và đánh cá chỉ có vị trí thứ yếu. Trên thực tế, chúng ta hiện biết quá ít về các dấu tích thực vật và động vật. Thời

gian một năm đã có những đổi thay, vì vậy qua hàng ngàn năm lịch sử thì dấu tích động vật còn lưu tồn trong văn hóa Phùng Nguyên là rất hiếm, đa phần bị mủn nát không thể nghiên cứu được. Một số kết quả nghiên cứu về lĩnh vực này cho thấy, cư dân Phùng Nguyên đã biết nuôi trâu, bò, gà... Ngoài động vật nuôi, người Phùng Nguyên còn săn bắn (bắt) một số thú hoang dã như lợn rừng, hươu nai, hoẵng, nhím, cây cáo, gà rừng. Những mũi lao, mũi giáo, mũi tên mài nhẵn chắc chắn là vũ khí tốt giúp người Phùng Nguyên săn bắn các loại thú săn có trong các khu rừng hay đồi gò xung quanh khu cư trú (1), (2), (3), (4), (5). Từ văn hóa Phùng Nguyên đến Gò Mun, cư dân ngày càng chủ động hơn trong việc nuôi trồng động, thực vật. Nếu ở văn hóa Phùng Nguyên dấu tích của hạt lúa còn khá mờ hồ, thì đến văn hóa Đồng Đậu, qua nghiên cứu những hạt gạo cháy phát hiện ở Đồng Đậu các nhà khoa học chứng minh đã có những hạt lúa tẻ và lúa nếp xuất hiện (7) , và trong văn hóa Gò Mun đã phát hiện được cả “hầm ngũ cốc” nơi cất giữ lương thực có thể do dư thừa nên tích lũy. Việc nuôi trồng các loài thực vật và động vật như trâu, bò, lợn, gà... ở các giai đoạn văn hóa sau, ngày càng có xu hướng mở rộng và phát triển hơn các giai đoạn trước, đây cũng là nhu cầu phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên. Ngoài các di tích nơi cư trú, trong tầng văn hóa còn có *di chỉ mộ táng*, việc các nhà khảo cổ học phát hiện và nghiên cứu mộ táng rất có ý nghĩa. Đây là nguồn tài liệu giúp cho chúng ta có thể tìm hiểu được đời sống của con người thời đã qua về nhiều mặt, như tập tục, tín ngưỡng, đời sống vật chất và tinh thần, sự phân hóa xã hội và cả những vấn đề về nguồn gốc chủng tộc, thân phận của người đã chết... Mặc dù loại hình di tích này đến nay phát hiện được còn rất ít, nhưng với những nguồn tài liệu và thông tin hiện có, chúng ta cũng đã phần nào hiểu được cư dân Phùng Nguyên có tục chôn cất người chết ngay tại nơi cư trú (Lũng Hòa). Trong khi các di tích mộ táng giai đoạn Đồng Đậu và Gò Mun chúng ta phát hiện lẻ tẻ và quá ít, mặc dù đã khai quật trên diện tích hàng ngàn mét vuông mà chưa tìm thấy một khu mộ như ở văn hóa Phùng Nguyên. Điều này khiến các nhà nghiên cứu đã nghĩ tới có một khu nghĩa trang riêng của người Đồng Đậu - Gò Mun. Nếu có một nghĩa trang tách khỏi nơi cư trú, thì cư dân Đồng Đậu - Gò Mun đã rất tiến bộ (văn minh) về mặt nhận thức giữa cõi sống và cõi chết.

Qua nghiên cứu trên có thể khẳng định rằng di tích khảo cổ là bằng chứng vật chất xác thực nhất, ghi lại dấu ấn của con người thời đã qua. Các di tích khảo cổ thời tiền sơ sử bị chôn vùi trong lòng đất hàng ngàn năm, trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm khắc nghiệt mà vẫn còn lại với thời gian là hết sức quý giá. Các nhà khảo cổ học luôn lợi ngược dòng lịch sử để lật tìm những vết tích còn lại thường không nguyên vẹn. Những vết tích như *nền nhà, bếp lửa, lò nung, vết tích động, thực vật...* được tạo ra do nhu cầu đòi hỏi của cuộc sống. Vì các yếu tố ăn, mặc, ở và đi lại... đó là những nhu cầu tối thiểu không thể thiếu đối với sự sống của con người. Các di tích này là sản phẩm kết tinh công sức, trí tuệ của chủ nhân văn hóa thời đại đồng thau ở lưu vực sông Hồng. Đồng thời qua đặc trưng di tích, các nhà khoa học đã phác thảo một bức tranh khái quát toàn cảnh, khá sinh động về đời sống của cư dân chủ nhân văn hóa từ Phùng Nguyên đến Gò Mun. Bức tranh đó là cơ sở cho sự hình thành một nhà nước sơ khai thời kỳ Hùng Vương. Mặc dù còn nhiều vấn đề đặt ra trong quá trình nghiên cứu, nhưng với những thành tựu đạt được trong nửa thế kỷ qua của các nhà khoa học, các di tích Tiền Đông Sơn xứng đáng là

nguồn di sản văn hóa chúng ta cần trân trọng bảo tồn và phát huy giá trị trong đời sống - xã hội hiện đại.

NST

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Xuân Chinh (1986), *Báo cáo khai quật đợt một di chỉ Lũng Hòa*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
2. Hoàng Xuân Chinh (2000), *Vĩnh Phúc thời tiền sơ sử*, Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao Vĩnh Phúc xuất bản.
3. Hoàng Xuân Chinh, Nguyễn Ngọc Bích (1978), *Di chỉ khảo cổ học Phùng Nguyên*, Nxb. KHXH, Hà Nội
4. Hán Văn Khẩn (2005), *Văn hóa Phùng Nguyên*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội.
5. Vũ Thế Long (2001), “Người Phùng Nguyên và môi trường sống của họ”, *Tìm hiểu Văn hóa Phùng Nguyên*, Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao Phú Thọ xuất bản, tr. 129-136.
6. Hà Văn Phụng (1996), *Văn hóa Gò Mun*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
7. Hà Văn Tấn chủ biên (1999), *Khảo cổ học Việt Nam*, tập II, Thời đại kim khí Việt Nam, Nxb. KHXH, Hà Nội.